

Số: 351/BC-ĐCM

Cẩm Phả, ngày 24 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701436805 đăng ký lần đầu ngày 27/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 01/12/2018.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng (Một trăm linh tám tỷ đồng chẵn).
- Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (020) 33715 066
- Fax: (020) 33715 067
- Website: www.minegeology.vn
- Mã cổ phiếu: MGC

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Quá trình hình thành

Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV tiền thân là Đoàn Thăm dò 9. Công ty được thành lập theo quyết định số 223/ĐC ngày 01/09/1958 của Sở Địa chất – Bộ Công nghiệp.

Theo văn bản số 3132/CN ngày 07/11/1964 của Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng cục Địa chất nâng cấp Đoàn Thăm dò 9 thành Liên đoàn Địa chất 9 với các Đoàn Thăm dò trực thuộc. Liên chi đoàn Địa chất 9 tiếp nhận các Đoàn địa chất làm nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và vật liệu xây dựng của Liên đoàn 2 theo quyết định số 346/QĐ – TC ngày 11/12/1973 của Tổng cục Địa chất. Tại Quyết định số 357/QĐ-TC ngày 11/12/1975 của Tổng cục Địa chất, liên đoàn Địa chất 9 tiếp nhận Đoàn Địa chất 21 làm nhiệm vụ tìm kiếm – thăm dò khoáng sản phi kim loại và vật liệu xây dựng.

Tại Quyết định số 373/QĐ-TC ngày 31/10/1977 của Tổng cục Địa chất, Liên đoàn Địa chất 9 trở thành Liên đoàn địa chất khu vực với nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản trên lãnh thổ Đông Bắc Việt Nam.

Sau khi giải thể Tổng cục Địa chất, Chính phủ đã ra Nghị định số 30/HĐBT ngày 30/04/1990 v/v thành lập Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam – trực thuộc Bộ

công nghiệp nặng. Với chủ trương sản xuất kinh doanh than từ khâu đầu đến khâu cuối, Bộ Công nghiệp nặng đã bàn giao Liên đoàn Địa chất 9 cho Bộ Năng lượng (Quyết định số 03/CNNg-TC ngày 13/11/1991 của Bộ Công nghiệp nặng), đồng thời điều chuyển Đoàn 913 và Đoàn 911 về trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản.

Trong những năm của thập kỉ 80 (thế kỉ 20) ngoài công tác tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản khác vùng Đông Bắc, Liên đoàn Địa chất 9 với tinh thần phát huy nội lực, giữ vững lực lượng, đa dạng hóa sản phẩm đã tổ chức khai thác, chế biến than và khoáng sản khác. Vì vậy, Bộ Năng lượng đã chính thức giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh than cho Liên đoàn Địa chất 9 và đổi tên thành Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản (Quyết định số 609/NL-TCCBLĐ ngày 13/12/1991 của Bộ Năng lượng). Theo đó, các Đoàn địa chất được đổi tên thành Xí nghiệp trực thuộc Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản.

Ngày 10/10/1994 Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 563/TTg thành lập Tổng công ty Than Việt Nam. Thực hiện quyết định trên, từ ngày 01/01/1995 công ty Địa chất & KTKS chính thức là đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam.

Để thống nhất quản lí công tác thăm dò địa chất trong ngành than, Tổng công ty Than Việt Nam đã điều chuyển Xí nghiệp Thăm dò Khảo sát 4 từ Công ty Than Cẩm Phả (Quyết định số 296/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) và Xí nghiệp Thăm dò khai thác than từ Công ty Than Hòn Gai (Quyết định số 265/TVN-TCCB ngày 10/02/1996) về trực thuộc Công ty Địa chất & KTKS; Chuyển Xí nghiệp 917 từ Công ty Địa chất & KTKS về Công ty Than Hòn Gai (Số 2811/TVN-TCCB ngày 23/07/1997).

Trên cơ sở Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 03/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước của Tổng công ty Than Việt Nam giai đoạn 2003-2005, Tổng công ty Than Việt Nam ra quyết định số 616/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2003 với nội dung: Tách phần địa chất của Công ty Địa chất & KTKS để thành lập mới Công ty Địa chất Mỏ trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam kể từ ngày 01/05/2003 với các đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Địa chất Cẩm Phả, Xí nghiệp Địa chất Đông Triều, Xí nghiệp Trắc địa bản đồ, Xí nghiệp Dịch vụ DLĐC.

Ngày 28/09/2010, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 2322/QĐ-HĐTV v/v phê duyệt đề án và chuyển Công ty Địa chất Mỏ - TKV thành Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV.

Ngày 08/04/2014, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ra quyết định số 731/QĐ-TKV v/v phê duyệt Phương án Tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ - TKV. Theo đó từ ngày 01/05/2014 chấm dứt hoạt động của các Xí nghiệp: Địa chất Cẩm Phả, Trắc địa bản đồ, Dịch vụ DLĐC, giữ nguyên mô hình hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều.

b) Chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 314/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 28 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã có quyết định số 119/QĐ-TKV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 17/8/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1623/QĐ-HĐTV về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV (Thời điểm 0h ngày 01/04/2015).

Ngày 06/10/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1987/QĐ-TKV về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV thành công ty cổ phần.

Ngày 01/01/2016, Công ty Cổ phần Địa chất Mỏ - TKV chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 108 tỷ đồng

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Điều tra cơ bản, thăm dò địa chất than và các tài nguyên khoáng sản khác, thăm dò trong quá trình khai thác mỏ, địa chất khai thác mỏ, địa chất công trình, địa chất thủy văn.

+ Khảo sát, đo đạc địa hình bề mặt, đo đạc chuyên ngành mỏ lộ thiên và hầm lò, Đo địa vật lý Carota.

+ Dịch vụ địa chất trắc địa: Lập phương án thăm dò, phương án thi công các công trình địa chất, lập báo cáo địa chất, lập bản đồ các loại, nghiên cứu khoa học công nghệ.

+ Khảo sát, xử lý địa chất công trình, địa chất thủy văn các công trình xây dựng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi.

+ Dịch vụ: Khoa học công nghệ, tin học, in ấn, liên kết xuất bản, tắm khoáng nóng, xoa bóp ...

- Địa bàn hoạt động chính: Tại tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;

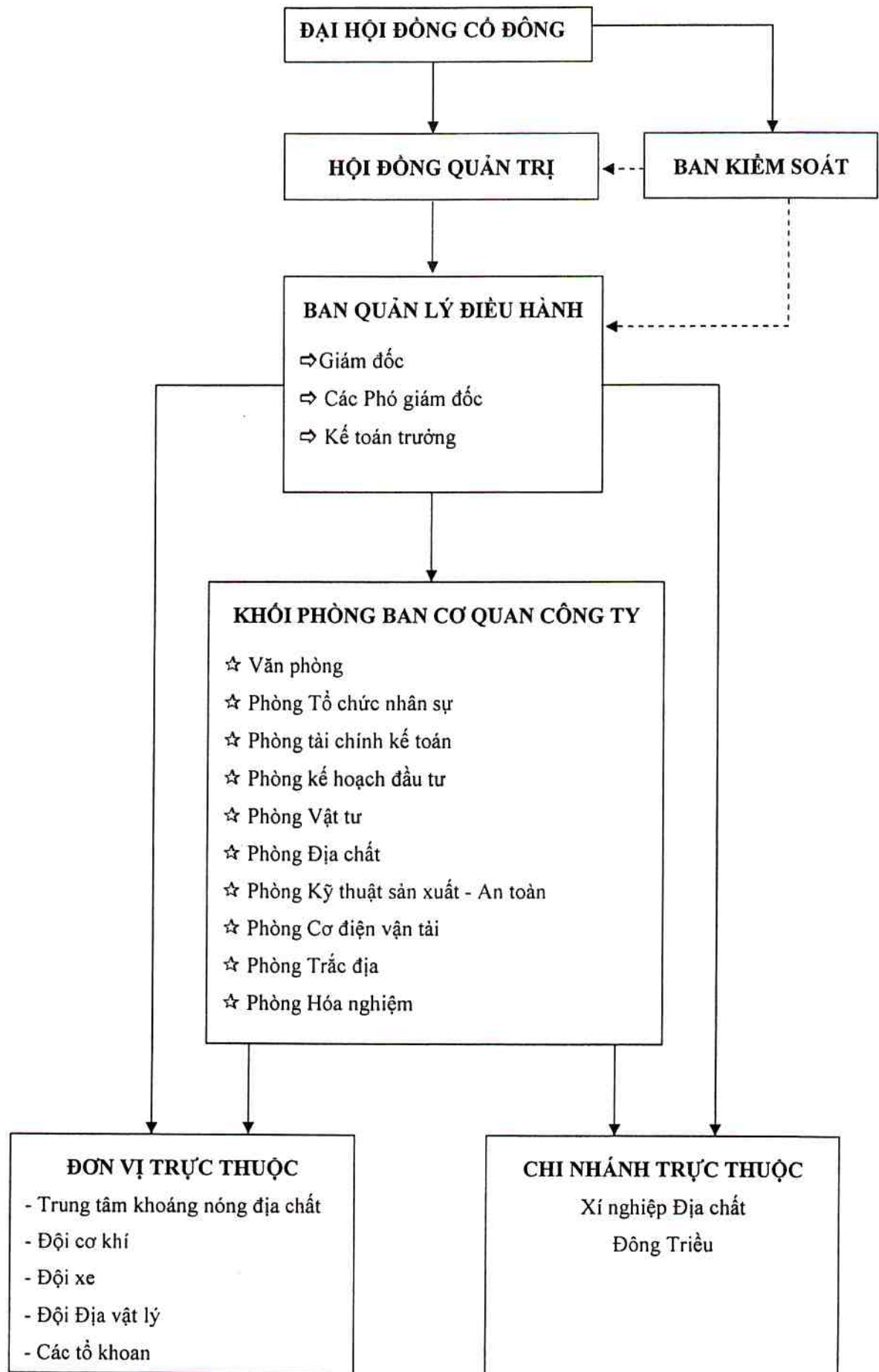
+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);

+ Ban Giám đốc gồm có: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc;

+ Kế toán trưởng: 01 người;

+ Các phòng ban, đơn vị trực thuộc và Chi nhánh: Gồm 10 phòng; 03 Đội trực thuộc; Trung tâm Khoáng nóng địa chất; 17 tổ khoan thuộc Công ty và 01 chi nhánh Xi nghiệp Địa chất Đông Triều theo mô hình sau:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không

5. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong năm 2020, Công ty tiếp tục điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV trở thành Công ty đứng hàng đầu trong TKV về lĩnh vực thăm dò, khảo sát địa chất, đo đạc trắc địa bản đồ.

+ Nghiên cứu lựa chọn công nghệ khoan phù hợp với từng địa tầng, từng vùng và kết cấu của đất đá.

+ Duy trì sản xuất ổn định và mở rộng sản xuất khoan trong lò để tháo nước, tháo khí cho các Công ty than.

6. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Công ty là đơn vị chuyên làm nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong TKV, địa bàn hoạt động rộng, diện sản xuất phần lớn ở những vùng đồi núi cao, vùng sâu vùng xa, vì vậy rất khó khăn trong công tác đi lại, vận chuyển thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, nhất là vào những tháng mùa mưa, gây rất nhiều khó khăn cho đời sống và việc đi lại của người lao động. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất hiện nay là điều kiện thi công khoan thăm dò, vì phần lớn các phương án thăm dò đều thực hiện trong vùng đang sản xuất than, do việc nổ mìn trong khai thác nên làm ảnh hưởng lớn đến địa tầng khu vực thi công, hoặc phải khoan qua tầng bãi thải dày, bãi thải mới.... vì vậy các lỗ khoan thường gặp phải những sự cố rất phức tạp như trượt tầng, sập lở, mất nước...nên năng suất giảm, chi phí sản xuất tăng.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2020, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách cho Nhà nước và bảo toàn được vốn, cụ thể một số chỉ tiêu sau:

- **Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ (%)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)
1	Chỉ tiêu hiện vật				
	- Khoan thăm dò	m	62.500	74.653,1	119,4
	- Khảo sát trắc địa	ha	16.500	17.113,8	103,7

2	Chỉ tiêu giá trị	Tr.đồng	300.000	397.023	132,3
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	5.000	6.895	137,9
4	Lao động, thu nhập				
-	Lao động bình quân	người	818	807	98,6
-	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-thg	9.032	11.458	126,8
5	Nộp ngân sách	Tr.đồng	18.875	19.127	101,3

* Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tình hình SXKD chung của Công ty gặp nhiều khó khăn, thiếu việc làm (đặc biệt là số lao động làm việc tại Trung tâm Khoáng nóng địa chất) đã tác động đến tâm lý, tư tưởng cán bộ đảng viên và người lao động. Trước những khó khăn khách quan Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban quản lý điều hành đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nắm dư luận, tâm tư nguyện vọng, kịp thời có những giải pháp, biện pháp ổn định tư tưởng; chỉ đạo chuyên môn và các tổ chức đoàn thể đề ra các giải pháp phù hợp và hiệu quả để quyết tâm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu SXKD và các mục tiêu nhiệm vụ chính trị năm 2020. Công ty đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt các chỉ tiêu, tạo môi trường SXKD ổn định trong doanh nghiệp góp phần cùng Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phát triển hài hòa.

2. Tổ chức và nhân sự

a) *Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ %		Ghi chú
			Đại diện	Cá nhân	
1	Hà Minh Thọ	Giám đốc		0,086	
2	Lê Văn Lân	P.Giám đốc		0,102	Miễn nhiệm từ ngày 01/02/2020
3	Phạm Văn Ngôn	P.Giám đốc		0,166	
4	Nguyễn Bá Lượng	P.Giám đốc		0,104	Miễn nhiệm từ ngày 01/6/2020
5	Nguyễn Xuân Huệ	P. Giám đốc		0,038	Bỏ nhiệm từ ngày 28/4/2020
6	Nguyễn Thị Hồng Lan	KT trưởng		0,034	

b) *Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:* Trong năm 2020, Công ty có sự thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành; Cụ thể miễn nhiệm 02 đồng chí phó giám đốc Công ty (do về nghỉ chế độ hưu trí) và bổ nhiệm 01 phó giám đốc Công ty.

c) *Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty:* Số cán bộ công nhân viên của Công ty bình quân năm 2020: 807 người.

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/ năm; Duy trì hỗ trợ chi phí đi lại làm việc cho CBNV, chế độ tiền lương được cải thiện, bình quân đạt 11.458.000đồng/người/ tháng. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi không đúng nội quy, quy định của công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư lớn

Năm 2020, trên cơ sở kế hoạch HDQT thông qua, Công ty tiếp tục thực hiện bao gồm các dự án, công trình: Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất, nâng cấp các phần mềm quản lý trong toàn Công ty. Năm 2020 thực hiện 12.735 triệu đồng/14.417 triệu đồng, đạt 88,8% KH.

Quá trình thực hiện công tác đầu tư và xây dựng tuân theo các qui định của Nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam. Ngay sau khi kế hoạch đầu tư năm 2020 được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thông báo, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các qui định hiện hành của Nhà Nước và Quy chế quản lý đầu tư của Công ty, các dự án, công trình sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đạt hiệu quả, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2020.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Tổng tài sản	308.863.740.248	343.493.374.980	1,11
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	318.082.375.402	396.752.785.605	1,25
4	Giá vốn hàng bán	276.433.989.870	345.788.450.717	1,25
5	LN gộp về bán hàng và cung	41.648.385.532	50.964.334.888	1,22

	cấp dịch vụ			
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6.794.318	8.675.485	1,28
7	Chi phí tài chính	3.231.994.171	3.039.877.240	0,94
8	Chi phí bán hàng	-	-	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.589.511.746	40.639.995.958	1,21
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.833.673.933	7.293.137.175	1,51
11	Thu nhập khác	2.161.490.477	261.551.961	0,12
12	Chi phí khác	981.517.918	659.560.188	0,67
13	Lợi nhuận khác	1.179.972.559	- 398.008.227	-0,34
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.013.646.492	6.895.128.948	1,15
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.399.497.182	1.582.826.627	1,13
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.614.149.310	5.312.302.321	1,15
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	427	492	1,15

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,07	1,09	
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	1,01	1,06	
<i>(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,63	0,67	
- Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	1,73	2,06	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	34,47	40,25	
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,03	1,15	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT Thuần	0,015	0,013	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,041	0,047	

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,015	0,015	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DT Thuần	0,015	0,018	

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Thuế	19.335.987.723	22.938.320.542
-	Thuế giá trị gia tăng	15.170.935.423	18.735.298.090
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.380.788.410	1.048.342.316
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.399.497.182	1.582.826.627
-	Thuế thu nhập cá nhân	488.798.455	569.173.992
-	Thuế tài nguyên	25.322.280	6.458.810
-	Thuế đất và tiền thuê đất	862.645.973	991.220.707
-	Các loại thuế khác	8.000.000	5.000.000
2	Các loại phí và lệ phí	238.242.725	61.606.214
-	Phí bảo vệ môi trường	33.174.000	8.205.000
-	Các khoản khác	205.068.725	53.401.214
	Tổng cộng	19.574.230.448	22.999.926.756

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 10.800.000 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng tính đến thời điểm 11/6/2020: 18.600 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: (Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 11/6/2020)

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	10.800.000	100%	1	988
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	9.351.800	86,59%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	0	0%		
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	0	0%		
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	1.448.200	13,41%		988
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		

B	Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	9.351.800	86,59%	1	
2	Vốn nước ngoài	0	0%		

** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 9.351.800 cổ phần, chiếm 86,59% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Không có

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (Trong năm 2020 không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu)

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2020 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Khoan thăm dò địa chất, do vậy nguyên vật liệu chủ yếu là xăng, dầu và ống chống, cần khoan.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Loại nhiên liệu	Khối lượng		Qui đổi TOE		Giá nhiên liệu		Sử dụng cho mục đích
Dầu DO	1.230	Tấn	1.230	TOE	12.173	đ/Lít	Nhiên liệu máy khoan, vận tải, máy xúc gạt, máy phát điện, đo Karota
Xăng	36	Tấn	36	TOE	14.818	đ/Lít	Nhiên liệu vận tải, bơm nước, đo Karota
Điện năng mua ngoài	514.928	kWh	79	TOE	2.859	đ/kWh	Văn phòng, nhà xưởng
Tổng số TOE			1.345	TOE			

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Năm 2020, do điều kiện sản xuất đặc thù của Công ty, báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong năm không có.

6.3. Tiêu thụ nước, xử lý nước thải

a) Tiêu thụ: Công ty cổ phần Địa chất mỏ-TKV tiêu thụ các loại nước gồm:

- Nước máy dùng để vệ sinh tại khu văn phòng, điều hành; nấu ăn tại các bếp ăn tập thể; phòng cháy chữa cháy: 9.197 m³, chi phí sử dụng là 202 triệu đồng;

- Nước giếng khơi tại XN Địa chất Đông Triều dùng để vệ sinh, tưới cây, phòng cháy chữa cháy, ...: 730 m³/năm;

- Nước khe suối tại Trung tâm Khoáng nóng Địa chất dùng để giặt ga gối, vệ sinh công nghiệp, tưới cây, phòng cháy chữa cháy: 8.395 m³/năm;

- Nước hồ tại Xí nghiệp Địa chất Đông Triều dùng để vệ sinh, tưới cây, phòng cháy chữa cháy: 2.920 m³/năm;

- Nước khoáng nóng bơm thông bảo vệ lỗ khoan: 3.650 m³/năm.

b) Xử lý nước thải:

Công ty hiện có 02 dạng nước thải gồm:

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động phân tích mẫu của phòng hóa nghiệm;

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động ngâm tắm tại trung tâm khoáng nóng và vệ sinh từ các khu văn phòng điều hành, tập thể công nhân.

Toàn bộ nước thải đều được Công ty tự xử lý; tại mỗi khu vực quản lý, Công ty xây dựng các hệ thống thu gom vào các bể chứa lắng lọc, bể tự hoại để xử lý; Các loại nước thải sau khi xử lý đều đảm bảo các tiêu chuẩn cho phép được xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Tổng lượng nước thải đã xử lý trong năm khoảng 25.000 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty: 807 người. Mức lương bình quân năm 2020: 11.458.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Duy trì hỗ trợ chi phí đi lại cho người lao động, tiền ăn ca đảm bảo số lượng, chất lượng dinh dưỡng cho CBCNV; Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

- Đã tổ chức hỗ trợ thu nhập cho người lao động tại Trung tâm Khoáng nóng địa chất do ảnh hưởng của dịch Covid-19 với tổng số tiền là 650trđ/năm

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Năm 2020 Công ty phối hợp với Trung tâm tư vấn pháp luật và huấn luyện an toàn Công đoàn Quảng Ninh tổ chức huấn luyện an toàn, cấp chứng nhận và thẻ an toàn

theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ cho 526 CBCNV; Công ty tự huấn luyện cho 215 CNV.

- Cử cán bộ thuộc nhóm 1, 2, 5 tham dự các lớp huấn luyện an toàn do tập đoàn TKV tổ chức; phối hợp với Trường Cao đẳng nghề Than - Khoáng sản Việt Nam đào tạo cấp chứng chỉ kỹ năng nghề làm việc trong lò cho 48 CBCNV.

- Chủ động phối hợp với các trường để mở các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV thuộc các phòng nghiệp vụ, kỹ thuật và lực lượng công nhân vận hành máy khoan địa chất...

Biểu tổng hợp chi tiết kết quả thực hiện công tác đào tạo năm 2020.

TT	Nội dung	Số lớp/Đợt	Số người	Ghi chú
1	Tuyển lao động đi đào tạo nghề	2	35	
2	Tập huấn, huấn luyện	11	33	
3	Đào tạo kiêm nghề, thêm nghề	1	48	
4	Tuyển lao động có trình độ		10	
5	Huấn luyện AT, giáo dục định hướng cho lao động mới	3	480	
6	Bổ trí thực tập cho học sinh	3	25	
7	Đào tạo bồi dưỡng	27	112	

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2020, ngoài chi hỗ trợ thường xuyên cho 01 cá nhân bị nhiễm chất độc da cam, Công ty còn chi tặng quà cho các trường trên địa bàn, các tổ chức chính trị xã hội, các gia đình khó khăn nhân dịp lễ, tết...

Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện ăn, ở và làm việc cho công nhân vận hành khoan máy địa chất, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân trong Công ty. Đặc biệt đã rất nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm để nâng cao thu nhập cho người lao động, đồng thời có nhiều giải pháp để thu hút lao động yên tâm ở lại với Công ty; duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Qua bảng số liệu tại mục 1 phần II, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cho thấy các chỉ tiêu kinh tế đều đạt vượt mức kế hoạch đề ra.

- Chỉ tiêu hiện vật: Khối lượng khoan thăm dò thực hiện 74.653,1mk/kế hoạch 62.500mk đạt 119,4%; Khảo sát trắc địa thực hiện 17.113,8ha/ kế hoạch 16.500ha đạt 103,7% so với kế hoạch điều chỉnh;

- Chỉ tiêu giá trị thực hiện 397.023trđ/kế hoạch 300.000trđ đạt 132,3%;
- Lợi nhuận thực hiện là 6.895trđ/ kế hoạch 5.000 trđ đạt 137,9%

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	308.863.740.248	343.493.374.980
1.1	Tài sản ngắn hạn	191.075.328.403	235.286.834.337
1.2	Tài sản dài hạn	117.788.411.845	108.206.540.643
	Trong đó: TSCĐ HH	105.865.729.911	92.753.068.442
2	Doanh thu thuần	218.082.375.402	396.752.785.605
3	Lợi nhuận trước thuế	6.013.646.492	6.895.128.948
4	Lợi nhuận sau thuế	4.614.149.310	5.312.302.321

- Theo báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán lợi nhuận năm 2020 là: 6.895.128.948 đồng/kế hoạch 5.000.000.000 đồng, đạt 137,9%

- Tài sản ngắn hạn là: 235.286.834.337 đồng, trong đó nợ phải thu là: 216.317.353.226 đồng.

- Tài sản dài hạn là: 108.206.540.643 đồng, trong đó TSCĐ hữu hình là: 92.753.068.442 đồng.

NG TSCĐHH đầu năm 2020 là: 317.756.726.828 đồng

NG TSCĐHH tăng trong năm là: 9.983.817.600 đồng gồm:

+ Do mua sắm trong kỳ: 9.667.438.119 đồng.

+ Do quyết toán hoàn thành: 316.379.481 đồng.

NG TSCĐHH giảm trong năm là: 7.459.351.116 đồng

NG TSCĐHH cuối năm 2020: 320.281.193.312 đồng

Giá trị khấu hao và hao mòn trong năm là: 23.096.479.068 đồng

Giá trị hao mòn lũy kế là: 227.528.124.870 đồng

Giá trị còn lại của TSCĐHH là : 92.753.068.442 đồng.

Định kỳ hàng tháng, quý TSCĐ được trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Giá trị thực hiện đầu tư XDCB năm 2020 là 12.542 triệu đồng so kế hoạch điều chỉnh 15.500 triệu đồng bằng 80,9%, còn 2 hạng mục được chuyển tiếp sang năm 2021 thực hiện. Trong đó Công ty đã dùng toàn bộ nguồn khấu hao TSCĐ và nguồn vốn chủ để đầu tư, Công ty không vay vốn dài hạn.

b) Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)

A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	178.041.908.995	216.069.475.381	1,21
1	Vay và nợ ngắn hạn	64.884.137.150	76.923.618.489	1,19
2	Phải trả người bán	37.553.807.305	67.339.436.434	1,79
B	Nợ dài hạn	17.808.108.827	13.712.024.162	0,77
1	Vay và nợ dài hạn	-	-	
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	195.850.017.822	229.781.499.543	1,17

- Công ty mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, thường xuyên phân loại các khoản nợ phải trả, phân loại tính chất nợ ngắn hạn, nợ dài hạn. Không để phát sinh nợ quá hạn thanh toán.

- Về vốn vay ngắn hạn 2020: Chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn là 76.923.618.489 đồng là khoản vay ngắn hạn, Công ty không còn dư nợ vay dài hạn.

+ Số dư vay ngắn hạn đầu năm 2020: 64.884.137.150

+ Tổng số vay trong năm: 207.921.807.815

+ Số đã trả nợ trong năm: 195.882.326.476

+ Số dư vay ngắn hạn đến cuối năm 2020: 76.923.618.489

- Về vốn vay dài hạn 2020: Trong năm Công ty không thực hiện hợp đồng vay dài hạn để đầu tư.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban Giám đốc chỉ đạo thường xuyên rà soát lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị, phòng ban và định biên lao động hợp lý theo hướng tăng cường lực lượng lao động sản xuất chính, giảm lao động quản lý gián tiếp phòng ban, phục vụ phụ trợ từ Công ty đến Xí nghiệp.

Trong năm 2020, Công ty đã tiết giảm tuyệt đối được 9 người so với thời điểm 01/01/2020 và những cán bộ về hưu không tuyển dụng thay thế. Do vậy, bước đầu về công tác tiết giảm lao động đã cơ bản hoàn thành và việc cơ cấu lại lao động, tổ chức đã có hiệu quả, cần được duy trì, phát huy.

Công ty tổ chức thực hiện tốt các Quy định của Pháp luật về Bảo vệ Môi trường và các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng; Nhận thức trách nhiệm đối với công việc, về văn hoá doanh nghiệp trong mỗi cán bộ công nhân viên chức của Công ty được củng cố và nâng lên rõ rệt; Đời sống vật chất tinh thần và các giá trị phục vụ đối với công nhân viên chức được duy trì và cải thiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị- Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (Không).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường

- Chất lượng môi trường không khí:

+ Năm 2019 Công ty đã hợp đồng với đơn vị chức năng quan trắc 02 mẫu không khí tại Trung tâm khoáng nóng Địa chất. Kết quả cho thấy môi trường không khí, tiếng ồn trong các khu vực của Công ty luôn đảm bảo trong giới hạn cho phép, không phải xử lý.

- Chất lượng nước thải:

+ Các loại nước thải của Công ty thải ra từ các khu điều hành, hóa nghiệm, văn phòng, nhà ăn, từ khu ngâm tắm khoáng nóng của Trung tâm Khoáng nóng Địa chất được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép xả vào nguồn nước của khu vực, theo vị trí được phép xả thải.

+ Năm 2019 Công ty đã hợp đồng với đơn vị chức năng quan trắc phân tích 12 mẫu nước thải tại các khu vực: Trụ sở Văn phòng Công ty, Khu km5, Trung tâm Khoáng nóng Địa chất để phân tích. Kết quả 12/12 mẫu đều nằm trong giới hạn cho phép theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường hiện hành trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Công tác quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

+ Quản lý chất thải rắn thông thường: Rác thải phát sinh tại các khu văn phòng, điều hành được thu gom hàng ngày vào các xe, thùng chứa, tập kết tại các vị trí để xe Công ty Môi trường đô thị đến thu gom, vận chuyển đi xử lý. Số tiền chi cho việc thu gom xử lý rác thải sinh hoạt năm 2019 là gần 20 triệu đồng;

+ Quản lý chất thải nguy hại: Căn cứ sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp. Công ty đã ban hành quy định về thu gom, lập kho chứa; Hướng dẫn các đơn vị tổ chức thu gom đảm bảo quy định; Công ty ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- **Môi trường đất:** Theo các đề án BVMT, kế hoạch BVMT đã được xác nhận phê duyệt thì Công ty không phải lấy mẫu đất để phân tích đánh giá.

- Mức độ phát thải các chất thải: Không có.

Hàng năm Công ty đều lập báo cáo định kỳ gửi các cấp có thẩm quyền như: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh, Phòng Tài nguyên và Môi trường Cẩm Phả và Tập đoàn TKV.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đã tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới, tin học hóa - tự động hóa vào sản xuất để tăng năng suất lao động, giảm sức lao động thủ công đối với người lao động để tăng thu nhập cho người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2020, Công ty đã chi hỗ trợ các quỹ bảo trợ người khuyết tật, đền ơn đáp nghĩa, xây nhà tình nghĩa, nạn nhân chất độc da cam, thương binh, quỹ an sinh thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh,... giá trị 40 triệu đồng. Chi phí thăm hỏi,

ôm đau, thăm viếng: 76 triệu đồng. Tất cả những hoạt động đã có tác dụng động viên công nhân viên chức gắn bó xây dựng Công ty, đồng thời cũng gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn sâu sắc hơn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý, nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc tiêu chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

Trong năm qua, Hội đồng Quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đồng thời tuyệt đối trung thành không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty: Trong thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn, đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản- an toàn lao động.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và Giám đốc Công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho các phó Giám đốc, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành các phòng, ban, tổ, đội, Chi nhánh thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Xây dựng Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV trở thành một Công ty chuyên khoan thăm dò, khảo sát đứng hàng đầu trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

T T	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
				Đại diện	Sở hữu	
1	Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch	Không ĐH	86,59		Từ 01.01-:-31.01.2020
2	Vũ Văn Khấn	Chủ tịch	Không ĐH	86,59		Từ 01.02-:-31.12.2020
3	Phạm Tuấn Ninh	Thành viên	Không ĐH			Từ 01.01-:-31.12.2020
4	Hà Minh Thọ	Thành viên	Điều hành		0,086	Từ 01.01-:-31.12.2020
5	Lê Văn Lân	Thành viên	Điều hành		0,10	Từ 01.01-:-31.01.2020
6	Đỗ Văn Trường	Thành viên	Không ĐH		0,093	Từ 01.02-:-31.12.2020
7	Phạm Văn Ngôn	Thành viên	Điều hành		0,17	Từ 01.01-:-31.12.2020

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên là chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên HĐQT không điều hành và 02 (hai) thành viên HĐQT điều hành (theo hình thức kiêm nhiệm). Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Vũ Văn Khấn đồng thời Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị của bốn đơn vị (Công ty cổ phần than Cao Sơn – Vinacomin; Công ty cổ phần sản xuất than và Thương mại than Ưông Bí; Công ty cổ phần Chế biến và Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin; Công ty cổ phần Cơ khí mỏ và Đóng tàu - TKV).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị: Trong năm 2020 Hội đồng Quản trị Công ty có sự thay đổi về nhân sự

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 24 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 27 Nghị quyết, 24 quyết định liên quan đến quy chế, cơ chế, công tác tổ chức cán bộ, quản trị chi phí, quản lý tiền lương, kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, Nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Phụ lục 01 kèm theo):

- Sửa đổi, bổ sung ban hành 06 Quy chế quản lý để làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán

bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (độc lập)

Trong năm 2020, ông Phạm Tuấn Ninh và ông Đỗ Văn Trường là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo hoạt động của hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ	
			Đại diện	Sở hữu (%)
1	Lê Thị Kim Dung	Trưởng Ban	0	0,06
2	Hoàng Kim An	Thành viên	0	0,06
3	Nguyễn Đức Luận	Thành viên	0	0,03

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng Cổ Đông Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV ngày 25/12/2015: Ban kiểm soát công ty được bầu gồm 03 người hoạt động kiêm nhiệm.

*** Cuộc họp của Ban kiểm soát**

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Thị Kim Dung	4/4	100%	100%	
2	Ông Hoàng Kim An	4/4	100%	100%	
3	Ông Nguyễn Đức Luận	4/4	100%	100%	

*** Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trưởng ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và hàng quý triển khai kế hoạch kiểm soát từng quý để thực hiện nhiệm vụ được giao. Cụ thể, trong năm 2020 đã thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Kiểm soát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, chủ sở hữu, điều lệ công ty.

- Kiểm soát việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ, cơ chế, quy định nội bộ của Công ty ban hành trong năm.

- Đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, báo cáo tài chính năm; Báo cáo đại hội cổ đông thường niên năm 2020; các báo cáo tình hình kinh doanh và một số báo cáo khác của Công ty; Kiểm soát các chuyên đề như: quản lý tài chính, công nợ, vật tư, đầu tư, sửa chữa lớn, lao động tiền lương, công tác tái cơ cấu...

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT; các cuộc họp sơ kết tháng, quý để nắm bắt kịp thời các thông tin và giải quyết các công việc có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.

- Thực hiện nộp các báo cáo định kỳ theo quy định về Tập đoàn đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.

Trong năm Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV tổ chức 04 cuộc họp để triển khai thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

c) Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông.

*** Hội đồng Quản trị Công ty:**

Đánh giá chung HĐQT đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Trong năm Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành các Nghị quyết; Quyết định ban hành các quy chế, quyết định liên quan đến công tác tổ chức LĐTL, quy hoạch cán bộ, công tác tái cơ cấu hợp nhất các phòng, sắp xếp cán bộ; công tác thay đổi nhân sự HĐQT theo quyết định của TKV. Công tác tài chính, kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư XD CB năm 2020 và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị.

- Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện.

- HĐQT công ty đã chủ động tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng các quyền của TKV tại Công ty.

- Chủ tịch HĐQT công ty thực hiện chế độ báo cáo của người đại diện phần vốn tại Công ty về TKV kịp thời, đầy đủ theo quy định.

*** Giám đốc công ty:**

Đã thực hiện đúng, đủ các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Giám đốc công ty quy định tại Điều lệ công ty.

- Giám đốc và Ban Lãnh đạo điều hành đã thực hiện công việc quản lý, điều hành đơn vị đảm bảo tuân thủ điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và kỷ luật điều hành của TKV.

- Giám đốc Công ty đã chỉ đạo các phòng chức năng xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ để ban hành về công tác giao khoán chi phí sản xuất, đơn giá tiền

lương và các quy định về quản lý vật tư nội bộ, quản trị chi phí.. từng thời điểm, phù hợp với tình hình SXKD của Công ty trong năm 2020.

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với TKV theo quy định.

d) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát và các các bộ quản lý, phòng ban chuyên môn của Công ty được thực hiện chặt chẽ và có hiệu quả.

Các phòng ban trong công ty, đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trong năm Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến kiến nghị nào bất thường của các Cổ đông về hoạt động quản trị và điều hành công ty của HĐQT, Giám đốc công ty và Người quản lý công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* *Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 với tổng số tiền là: 561.600.000 đồng.

* *Lương, thưởng của ban Giám đốc:* Ban Quản lý điều hành Công ty có 6 thành viên. Trong năm 2020, Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban QLĐH với tổng số tiền là: 1.729.706.728 đồng.

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2020 như sau:

T T	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập tiền lương năm 2020 (đ)	Thu nhập từ thù lao năm 2020 (đ)	Tổng số
A	B	C	1	2	3=1+2
1	Hoàng Minh Hiếu	Nguyên Chủ tịch HĐQT		6.682.000	6.682.000
2	Vũ Văn Khấn	Chủ tịch HĐQT		73.502.000	73.502.000
3	Phạm Tuấn Ninh	TV. HĐQT		68.328.000	68.328.000
4	Đỗ Văn Trường	TV. HĐQT		62.634.000	62.634.000
5	Lê Thị Kim Dung	TB. Kiểm soát		71.448.000	71.448.000
6	Hoàng Kim An	TV. BKS		68.328.000	68.328.000
7	Nguyễn Đức Luận	TV. BKS		68.328.000	68.328.000
8	Hà Minh Thọ	TV. HĐQT - GĐ	462.384.000	68.328.000	530.712.000
9	Lê Văn Lân	Nguyên TV. HĐQT - PGĐ	34.164.000	5.694.000	39.858.000
10	Phạm Văn Ngôn	TV. HĐQT - PGĐ	409.968.000	68.328.000	478.296.000
11	Nguyễn Bá Lượng	Nguyên P. Giám đốc	170.820.000		170.820.000

12	Nguyễn Xuân Huệ	P. Giám đốc	277.970.728		277.970.728
13	Nguyễn Thị Hồng Lan	Kế toán trưởng	374.400.000		374.400.000
	Tổng cộng		1.729.706.728	561.600.000	2.291.306.728

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: (Không có)

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*: Không có

d) *Thực hiện các quy định về quản trị Công ty*: Trong năm 2020 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Ý kiến kiểm toán**: Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 19/2021/BCKT- PKF.VPC ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV, được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. **Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán**: Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: www.minegeolog.com.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận :

- UBCKNN, Sở GDCKHN, TT LKCKVN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT (5)



Hà Minh Thọ